

TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HOÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/DS-ST.

Ngày: 13 - 4 - 2021.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng

Ông Phạm Ngọc Dung

- *Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đăng Q, sinh năm 1960;

Địa chỉ: SN 150, khu 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Huy Đ, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện V – tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa

3. Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Trường G – sinh năm 1974;
Bà Phạm Thị L – sinh năm 1974.

Người đại diện theo ủy Q của của ông Vũ Trường G là bà Phạm Thị L (theo giấy ủy Q ngày 25 tháng 02 năm 2021)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đăng Q trình bày:

Ông Trần Đăng Q và ông Lê Huy Đ có quan hệ thân quen từ trước nên ngày 28/9/2017, ông Q có cho ông Lê Huy Đ vay số tiền là 170.000.000 đồng; Trong giấy vay nợ không ghi thời hạn vay, nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau thời hạn vay là 06 tháng; mức lãi suất hai bên thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền là 1,5%/01 tháng, trả lãi và gốc 01 lần. Sau đó ông Đ thỏa thuận lại với ông Q tiền gốc sẽ trả sau, nhưng lãi sẽ trả đều hàng tháng. Tính đến nay, ông Đ mới trả cho ông Q được số tiền lãi là 10.200.000 đồng (04 tháng tiền lãi) sau đó ông Đ không trả tiền gốc và lãi cho ông Q nữa. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền, nhưng ông Đ cứ khất lần không chịu trả.

Ông Q không chấp nhận ý kiến của ông Đ cũng như ý kiến của bà Phạm Thị L về việc số tiền 170.000.000 đồng ông Đ viết giấy vay ông Q vào ngày 28/9/2017 là ông Q cho vợ chồng bà Phạm Thị L, ông Vũ Trường G ở thôn M, xã Y, huyện V vay và ông cũng không đồng ý cho ông Đ chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho vợ chồng bà L, ông G. Nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Lê Huy Đ phải trả cho ông Q toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ tháng 02/2018, với mức lãi suất là 1,5%/01 tháng, cho đến khi ông Đ trả hết toàn bộ tiền gốc và lãi cho ông Q.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Lê Huy Đ trình bày như sau:

Do có mối quan hệ thân quen với ông Q và vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Vũ Trường G từ lâu, nên ông Đ có giới thiệu cho vợ chồng bà L, ông G đến nhà ông Q để vay tiền. Ông Q đã đồng ý cho vợ chồng bà L, ông G vay số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, với mức lãi suất là 1.5%/01 tháng. Lý do ông Đ viết giấy vay số tiền 170.000.000đ của ông Q vào ngày 28/9/2017 là vì xe của ông G bị hư, ông G, bà L phải đi sửa nên có một mình ông Đ vào nhà ông Q. Ông Q đưa cho ông Đ quyển sổ và nói “ông viết cho tôi giấy vay tiền”, nên ông Đ mới viết giấy vay tiền của ông Q nhưng thực tế, ông Đ không được nhận và kiểm đếm tiền. Khi bà L và ông G sửa xe xong đã muộn nên bà L, ông G không vào nhà ông Q nữa chỉ dừng xe ở cửa nhà ông Q, ông Q đã mang tiền ra đưa cho ông G qua cửa xe và ông Đ cũng lên xe ô tô do ông G lái để về nhà.

Ngay chiều ngày 28/9/2017 bà L, ông G đã viết giấy vay tiền của ông Q và đưa cho ông Đ để ông Đ đưa cho ông Q, nhưng vì ông Q đang nhờ ông Đ giữ hộ 03 giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên ông Đ kẹp luôn giấy vay tiền mà bà L đưa cho ông vào đây, ông Đ cũng không thông báo cho ông Q biết. Sau đó 02 thửa đất

đã được ông Q chuyển nhượng cho người khác, còn lại 01 giấy chứng nhận Q sử dụng đất ông Q mới lấy từ ông Đ trong tháng 10/2020, ông Đ cũng quên không đưa giấy vay tiền mà bà L, ông G viết cho ông Q để đổi lấy giấy vay tiền mà ông Đ đã viết cho ông Q trước đó. Từ ngày ông Đ viết giấy vay tiền của ông Q (ngày 28/9/2017) cho đến khi ông Q làm đơn ra Tòa án để khởi kiện ông Đ, ông Q chưa bao giờ đòi nợ ông Đ, mà chỉ nói ông Đ phải đốc thúc nhà bà L, ông G trả nợ cho ông Q. Ông Đ cũng đã nhiều lần đi cùng với ông Q đến nhà bà L, ông G để đòi tiền nợ cho ông Q.

Nay ông Q yêu cầu ông Đ phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ tháng 02/2018, với mức lãi suất là 1.5%/01 tháng, cho đến khi trả xong, ông Đ không đồng ý với yêu cầu của ông Q. Ông Đ cho rằng ông chỉ là người viết giấy vay tiền của ông Q còn thực tế ông G, bà L với là người vay tiền và nhận tiền của ông Q, nên trách nhiệm trả nợ cho ông Q thuộc về vợ chồng bà L, ông G. Ông G, bà L cũng là người đã trả lãi cho ông Q với số tiền là 10.200.000 đồng (tương đương với 4 tháng tiền lãi), sau đó nhà ông G, bà L làm ăn thua lỗ, gặp nhiều khó khăn nên chưa trả được nợ cho ông Q.

Tại 02 giấy cam kết ngày 10/4/2020 của bà Phạm Thị L và ông Vũ Trường G cũng như tại bản tự khai ngày 25/02/2021 của bà Phạm Thị L và quá trình giải quyết vụ án người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày như sau:

Vợ chồng bà chỉ quen biết chứ không thân thiết với ông Trần Đăng Q, đang cần vốn làm ăn nên vợ chồng bà đã nhờ ông Lê Huy Đ dẫn đến nhà ông Q để vay tiền. Ông Đ đi cùng một xe với vợ chồng bà, nhưng xe bị hư nên vợ chồng bà phải đi sửa, vì vậy đến cổng nhà ông Q chỉ có 01 mình ông Đ xuống xe vào nhà ông Q. Ông Đ đã viết giấy vay ông Q 170.000.000 đồng vào ngày 28/9/2017 trong lúc vợ chồng bà đang đi sửa xe. Khi vợ chồng bà sửa xe xong đến cổng nhà ông Q thì ông Đ và ông Q đi ra, ông Q đã đưa tập tiền cho ông G qua cửa xe và ông Đ lên xe đi về luôn, về đến nhà bà mới kiểm đếm tiền và đủ 170.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày vợ chồng bà đã viết giấy vay tiền của ông Q và đưa cho ông Đ để ông Đ đổi cho ông Q, còn ông Đ có đưa giấy cho ông Q hay không vợ chồng bà không biết.

Quá trình vay nợ, ông G là người trực tiếp trả tiền lãi cho ông Q, ông Q cũng không viết giấy tờ gì cho ông G. Vợ chồng bà mới trả lãi cho ông Q được 04 tháng với số tiền là 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, gia đình bà gặp khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả được nợ cho ông Q cho dù ông Q và ông Đ đã đến nhà bà để đòi nợ nhiều lần. Vợ chồng bà là người vay nợ ông Q nên vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền nợ gốc đã vay là 170.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Nhưng hiện nay gia đình bà rất khó khăn nên bà đề nghị được trả dần tiền gốc cho ông Q và xin ông Q giảm bớt tiền lãi cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa, ông Trần Đăng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Huy Đ phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 02/2018, với mức lãi suất là 1,5%/01 tháng, cho đến khi ông Đ trả hết toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Đăng Q cho rằng ông Lê Huy Đ có vay của ông Trần Đăng Q số tiền là 170.000.000 đồng chưa trả. Quá hạn trả nợ nhưng ông Đ vẫn không trả số tiền nợ đã vay và tiền lãi phát sinh nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn là ông Lê Huy Đ hiện đang cư trú tại xã Y, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Q, ông Đ và những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về chuyển giao nghĩa vụ: Bị đơn là ông Lê Huy Đ và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L cho rằng: Ngày 28/9/2017, ông Đ có viết giấy vay ông Q số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất là 1,5%/tháng, trong giấy vay nợ không ghi thời hạn vay. Nhưng thực tế số tiền 170.000.000 đồng này ông Q cho vợ chồng bà L, ông G vay, ông Đ chỉ là người viết giấy vay tiền khi vợ chồng bà L, ông G không có mặt ở đó, khi vay ông Q và vợ chồng bà L, ông G có thỏa thuận bằng lời nói với nhau thời hạn vay là 06 tháng, ông G là người trực tiếp nhận tiền từ ông Q. Ngay chiều ngày 28/9/2017 bà L, ông G đã viết giấy vay tiền của ông Q và đưa cho ông Đ để ông Đ đưa cho ông Q. Quá trình vay nợ vợ chồng ông G, bà L đã trả trực tiếp cho ông Q được 04 tháng tiền lãi nhưng ông Q không viết giấy tờ gì cho vợ chồng bà L, ông G. Sau đó, gia đình bà L, ông G làm ăn thua lỗ nên chưa trả được nợ cho ông Q. Ông Đ đã đi cùng với ông Q nhiều lần đến nhà bà L, ông G để đòi nợ nhưng vì chưa có tiền để trả nợ nên vợ chồng bà L, ông G cũng chỉ xin ông Q cho khất nợ. Số tiền 170.000.000 đồng là

vợ chồng bà L, ông G vay của ông Q, nên trách nhiệm trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh cho ông Q thuộc về ông Vũ Trường G, bà Phạm Thị L, ông Đ không có trách nhiệm phải trả khoản tiền này cho ông Q.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Q đều khẳng định ông không cho vợ chồng bà L, ông G vay tiền, ông cũng không đồng ý cho vợ chồng bà L, ông G thế nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Đ. Ông Đ vay tiền của ông thì ông Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Xét lời khai của bị đơn ông Lê Huy Đ thấy rằng: Ngay chiều ngày 28/9/2017 bà L, ông G đã viết giấy vay tiền của ông Q và đưa cho ông Đ để ông Đ đưa cho ông Q, nhưng vì ông Q đang nhờ ông Đ giữ hộ 03 giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên ông Đ kẹp luôn giấy vay tiền mà bà L đưa vào đây, ông Đ cũng không thông báo cho ông Q biết. Sau đó 02 thửa đất đã được ông Q chuyển nhượng cho người khác vào hai thời điểm khác nhau, còn lại 01 giấy chứng nhận Q sử dụng đất ông Q mới lấy từ ông Đ trong tháng 10/2020, ông Đ cũng quên không đưa giấy vay tiền mà bà L, ông G viết cho ông Q để đổi lấy giấy vay tiền mà ông Đ đã viết cho ông Q trước đó. Từ ngày ông Đ viết giấy vay tiền của ông Q (ngày 28/9/2017) cho đến khi ông Q làm đơn ra Tòa án để khởi kiện ông Đ, ông Q chưa bao giờ đòi nợ ông Đ, mà chỉ nói ông Đ phải đốc thúc nhà bà L, ông G trả nợ cho ông Q. Nhưng tại 02 giấy cam kết đề ngày 10/4/2020 của bà Phạm Thị L và ông Vũ Trường G do ông Đ cung cấp cho Tòa án vào ngày 04/01/2021 thì vợ chồng ông G, bà L đều cam kết việc vay nợ ông Q số tiền 170.000.000 đồng không liên quan gì đến ông Đ. Giấy tờ vay, khất nợ, cam kết trả nợ của vợ chồng ông G, bà L với ông Đ là giao dịch riêng giữa vợ chồng ông G, bà L với ông Đ và không liên quan gì đến ông Q. Như vậy, có sự mâu thuẫn trong lời khai của ông Đ. Ông Q không đòi nợ ông Đ nhưng ngày 10/4/2020 vợ chồng bà L, ông G đã phải viết giấy cam kết với ông Đ, trong khi giấy vay nợ của vợ chồng bà L, ông G viết cho ông Q được ông Đ kẹp vào giấy chứng nhận Q sử dụng đất của ông Q mà ông Đ đang giữ hộ, ông Đ đã nhiều phải lấy giấy chứng nhận Q sử dụng đất để đưa cho ông Q và nhiều lần cùng ông Q đến nhà ông G, bà L để đòi nợ cho ông Q nhưng ông Đ vẫn không đưa giấy vay tiền mà vợ chồng bà L, ông G viết cho ông Q cũng như không thông báo cho ông Q biết để đổi lại giấy vay tiền mà ông Đ đã viết cho ông Q trước đó. Vì vậy, không đủ cơ sở để khẳng định ông Q cho vợ chồng ông G, bà L vay tiền hay ông Q đã đồng ý cho ông Đ (bên có nghĩa vụ) chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị L, ông Vũ Trường G (người thế nghĩa vụ) nên không buộc vợ chồng bà Phạm Thị L, ông Vũ Trường G phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Q được là phù hợp với Điều 370 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Ngày 28/9/2017, ông Lê Huy Đ có vay ông Trần Đăng Q 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất là 1,5% tháng, trong giấy vay tiền không ghi thời hạn vay nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau thời hạn vay 06 tháng, ông Đ đã trả cho ông Q được 04 tháng tiền lãi với số tiền là 10.2000.000 đồng. Quá trình làm việc và tại phiên tòa ông Đ cũng thừa nhận giấy vay số tiền 170.000.000 đồng mà ông Q cung cấp cho Tòa án do chính tay ông viết vào ngày 28/9/2017, tại nhà ông Q, nhưng số tiền 170.000.000 đồng này không phải ông vay ông Q mà ông chỉ viết thay cho vợ chồng bà L, ông G trong khi họ không có mặt ở đây, sau đó ông quên không đổi giấy vay nợ với ông Q. Mặc dù bà Phạm Thị L đã đứng ra nhận trách nhiệm trả nợ nhưng không được bên có Q (ông Q) đồng ý nên việc chuyển giao nghĩa vụ giữa ông Đ và bà L, ông G không thực hiện được nên trách nhiệm trả số tiền nợ 170.000.000 đồng cho ông Q thuộc về ông Lê Huy Đ.

Buộc ông Lê Huy Đ phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) cho ông Trần Đăng Q là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

[5] Về lãi suất: Ngày 28/9/2017, ông Lê Huy Đ có vay ông Trần Đăng Q 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất là 1,5% tháng, trong giấy vay tiền không ghi thời hạn vay nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau thời hạn vay 06 tháng, ông Đ đã trả cho ông Q được 04 tháng tiền lãi với số tiền là 10.2000.000 đồng. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu của ông Q buộc ông Đ phải trả lãi theo mức lãi suất là 1,5%/ tháng tính từ tháng 02/2018 đến ngày xét xử (13/4/2021) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận:

Từ 01/02/2018 đến 13/4/2021 là 38 tháng 12 ngày = 170.000.000 đồng x 1,5% x 38 tháng 12 ngày = 97.920.000 đồng (Chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà ông Lê Huy Đ phải trả cho ông Trần Đăng Q là 170.000.000 đồng + 97.920.000 đồng = 267.920.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng Q được chấp nhận nên ông Lê Huy Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 280, Điều

357, Điều 370, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng Q.

Buộc ông Lê Huy Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Đăng Q số tiền nợ gốc đã vay là 170.000. 000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và 97.920.000 đồng (Chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 267.920.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có Q thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 14/4/2021, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc ông Lê Huy Đ phải nộp 13.396.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang